

Bản án số: 23/2023/DS – ST

Ngày: 16 – 5 -2023

"V/v : Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thận và ông Trần Đức Hòa

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Mạnh Hùng– là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 10/2023/TLST - DS ngày 07 tháng 02 năm 2023, về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2023/QĐST - DS ngày 19 tháng 4 năm 2023 giữa:

-Nguyên đơn:1/ Ông Trần Văn T (tên gọi khác: Trần Văn V), sinh năm: 1974 và bà Nguyễn Thị Hoài P, sinh năm: 1978. Cùng nơi cư trú: Thôn 5, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

-Bị đơn: ông Bùi Đức V1; sinh năm: 1952

Và bà Lê Thị S; sinh năm: 1955

Địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

(Nguyên đơn ông T, bị đơn bà S có mặt; Nguyên đơn bà P và bị đơn ông V1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 11 năm 2022, nguyên đơn ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Hoài P trình bày:

Từ ngày 18/02/2021 đến ngày 13/11/2021 bà Lê Thị S và ông Bùi Đức V1 nợ ông, bà số tiền mua cám heo là 203.545.000đ, các lần mua bán có viết vào hóa đơn, biên nhận của Đại lý cám gạo Iant của ông, bà. Ngày cuối cùng bán cám heo cho ông V1 bà S là ngày 13/11/2021, chốt nợ là 203.545.000đ. Ông, bà S V1 hẹn đến mùa điều năm 2022 thì trả hết tiền, đến tháng 9 năm 2022 thì anh Bùi Đức Thọ (con trai ông bà V1, S) đến trả ông bà số tiền 50.000.000đ, số tiền còn nợ lại 153.545.000đ đến nay ông V1 bà S chưa trả cho ông bà. Hiện nay ông bà yêu cầu ông bà V1 S phải trả ông bà số tiền còn nợ lại là 153.545.000đ.

Bị đơn bà Lê Thị S trình bày: Bà là vợ ông Bùi Đức V1, sinh năm sinh năm 1952. Từ ngày 18/02/2021 đến ngày 13/11/2021, vợ chồng bà có mua cám heo của ông T với tổng số tiền chốt đến ngày 13/11/2021 là 203.545.000đ, đến ngày 05/9/2022 trả được số tiền 50.000.000đ, còn nợ lại số tiền 153.545.000đ. Hiện nay bà đồng ý trả vợ chồng ông T bà P số tiền 153.545.000đ, không trả tiền lãi và xin trả dần. Bà không cung cấp giấy tờ, tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Bị đơn ông Bùi Đức V1 đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa đương sự không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm. Nguyên đơn ông T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng: Về tố tụng: Không có ý kiến gì. Về nội dung vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Bùi Đức V1 và bà Lê Thị S phải liên đới trả cho ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Hoài P số tiền 153.545.000đ. Về án phí: Đương sự nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Hoài P khởi kiện yêu cầu ông Bùi Đức V1 và bà Lê Thị S cư trú tại thôn 3, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước phải trả số tiền đã mua cám heo còn nợ là 153.545.000đ. Tòa án xác định đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản theo Điều 430 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Bùi Đức V1 đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Nguyên đơn bà P có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử xét tiến hành xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T bà P yêu cầu ông V1 bà S phải trả số tiền mua cám heo còn nợ 153.545.000đ:

Nguyên đơn ông T bà P xác nhận vợ chồng ông V1 bà S có mua cám để chăn nuôi heo tại cửa hàng của ông T bà P từ ngày 18/02/2021 đến ngày 13/11/2021 với tổng số tiền 203.545.000đ. Đến ngày 05/9/2022, con trai ông V1 bà S là anh Bùi Đức N đã trả số tiền 50.000.000đ, còn nợ lại số tiền 153.545.000đ, đến nay ông V1 bà S chưa trả. Bị đơn bà S cũng thừa nhận sự việc này là đúng, vợ chồng ông bà (bà và ông V1) có mua cám heo của ông T bà P đến nay còn nợ lại số tiền 153.545.000đ, Xét thấy, đây là tình tiết đương sự thừa nhận, không phải chứng minh.

Tại phiên tòa, bị đơn bà S cho rằng vợ chồng bà chưa trả số tiền còn nợ trên cho ông T bà P vì vợ chồng bà mua cám mục đích để chăn nuôi heo phát triển kinh tế gia đình, nhưng thời điểm đó heo bị dịch bệnh chết, vợ chồng bà không có tiền trả cho ông T bà P. Hiện nay, vợ chồng bà đồng ý trả ông T bà P số tiền 153.545.000đ, xin trả dần mỗi tháng 20.000.000đ. Nguyên đơn ông T đồng ý cho bà S ông V1 trả dần, tuy nhiên ông T cho rằng số tiền này là của chung vợ chồng ông với bà P, bà P không đồng ý cho bà S trả dần, đề nghị Tòa án xét xử theo quy định pháp luật. Do đó, cần buộc ông V1 bà S phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông T bà P số tiền 153.545.000đ.

[2.2] Về lãi suất: Bị đơn bà S xin không đồng ý trả tiền lãi, tại phiên tòa nguyên đơn ông T bà P không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Đối với anh Bùi Đức N (con trai bà S, ông V1) có đưa trả cho ông T số tiền 50.000.000đ. Anh N và bà S đều xác định số tiền này là tiền của bà S đưa anh N đi trả cho ông T, tại biên bản lời khai anh N xác định không phải tiền của anh N, anh N không tranh chấp gì số tiền này. Do đó, xác định anh N không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[4] Đối với đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng là đúng quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[5] Về án phí: Đương sự nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 430 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Hoài P. Buộc bị đơn ông Bùi Đức V1 và bà Lê Thị S phải có nghĩa

vụ trả cho ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Hoài P tổng số tiền 153.545.000đ (một trăm, năm mươi ba triệu, năm trăm, bốn mươi lăm nghìn đồng).

2. Về án phí: Bị đơn bà Lê Thị S và ông Bùi Đức V1 là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng hoàn trả lại cho nguyên đơn ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Hoài P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.838.625đ theo Biên lai thu tiền số 0000871, ngày 06/2/2023.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi Nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CC THADS huyện Bù Đăng;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Thị Thu Hà

